

Test Vocabulary U10 (5)

Word Patterns

Write in English

- | | |
|---------------------------------------|----------------------------------|
| 1. Đồng ý với/về/đối với vấn đề | 13. Thuyết phục ai đó việc gì đó |
| 2. đồng ý với ai đó | 14. Thuyết phục ai đó làm gì đó |
| 3. Đồng ý để làm gì đó | 15. Thuyết phục ai đó rằng |
| 4. đồng ý rằng | 16. Buộc ai đó làm gì đó |
| 5. cho phép ai đó làm gì | 17. Buộc ai đó trong việc... |
| 6. Cho phép điều gì đó | 18. Độc lập khỏi/từ |
| 7. tán thành, ủng hộ | 19. Phản đối làm việc gì đó |
| 8. Đồng ý việc gì | 20. Giả vờ để là... |
| 9. tấn công | 21. Giả vờ để làm |
| 10. Tấn công ai đó về việc gì đó | 22. giả vờ rằng |
| 11. Một sự tấn công lên người/sự việc | 23. dựa vào |
| 12. Cấm ai đó làm việc gì đó | |